

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty In Đà Nẵng) theo Quyết định số 194/QĐ-UB ngày 08 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000537 ngày 17 tháng 01 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0400101517) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 18/05/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015: 11.000.000.000 đồng.

Công ty có 1 đơn vị hạch toán phụ thuộc là: Chi nhánh Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng tại Quảng Nam.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 420 Lê Duẩn, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3822724
- Fax: (84) 0511.3823371
- Email: Daprico@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, in: Sách, báo, tạp chí, tập san, các loại văn hóa phẩm, vé số, giấy tờ quản lý kinh tế xã hội, bao bì các loại, tem nhãn;
- Tư vấn, thiết kế và tạo mẫu;
- Xuất nhập khẩu: Xuất nhập khẩu các loại sản phẩm in, nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị in và các loại vật tư ngành in;
- Kinh doanh, đại lý: Các loại sách, báo, giấy tờ, vở học sinh, văn phòng phẩm, văn hoá phẩm, đồ dùng mỹ phẩm và tham gia liên kết kinh doanh các loại ấn phẩm khác;
- Nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị in và các loại vật tư ngành in;
- Tư vấn hướng dẫn làm thủ tục xuất bản phẩm;
- Dịch vụ liên quan đến in (Gia công, chế bản, xuất kềm CTP);
- Dịch vụ: Cho thuê văn phòng, kho và vui chơi, giải trí, phục vụ thiếu nhi.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 136 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 21 người.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Trần Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 07/04/2013
• Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 07/04/2013
• Ông Phan Quang Thân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2013
• Ông Hồ Văn Lĩnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2013
• Bà Lê Hà Thị Thanh Hạt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2013

Ban Kiểm soát

• Ông Lê Khánh Tân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07/04/2013
• Ông Đặng Công Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2013
• Ông Trần Hoàng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2013

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Trần Trung	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 16/4/2008
• Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 16/4/2008
• Ông Nguyễn Thái An	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/04/2014
• Bà Lê Hà Thị Thanh Hạt	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 16/4/2008

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Trần Trung

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2016



Số: 162/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/03/2016, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2016

Trần Vũ Nguyên Hà – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2333-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.862.432.576	15.031.227.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.156.257.313	1.982.582.237
1. Tiền	111	5	3.156.257.313	1.982.582.237
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.726.231.982	1.809.791.578
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.686.567.423	1.695.073.453
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.876.746	4.661.798
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	246.935.813	327.204.327
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(217.148.000)	(217.148.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	9.888.761.116	11.074.282.182
1. Hàng tồn kho	141		9.910.672.543	11.096.193.609
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.911.427)	(21.911.427)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		91.182.165	164.571.320
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	91.182.165	164.571.320
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.395.753.874	19.194.420.909
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.285.544.181	19.104.415.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.969.999.038	10.762.855.870
- Nguyên giá	222		35.044.389.412	33.039.843.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.074.390.374)	(22.276.988.087)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.315.545.143	8.341.559.643
- Nguyên giá	228		8.409.414.318	8.409.414.318
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.869.175)	(67.854.675)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		110.209.693	90.005.396
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	110.209.693	90.005.396
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.258.186.450	34.225.648.226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.809.450.117	16.135.172.876
I. Nợ ngắn hạn	310		15.780.450.117	15.402.506.208
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	622.156.619	905.801.117
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	8.948.251.507	8.673.290.156
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	247.852.115	456.684.792
4. Phải trả người lao động	314		936.550.031	1.447.368.548
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	40.897.329	40.670.717
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	304.818.181	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	149.050.282	238.942.803
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20a	4.375.644.366	3.382.502.033
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		155.229.687	257.246.042
II. Nợ dài hạn	330		1.029.000.000	732.666.668
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20b	1.029.000.000	732.666.668
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.448.736.333	18.090.475.350
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	18.448.736.333	18.090.475.350
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	265.752.500	265.752.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	834.774.683	834.774.683
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	2.137.947.510	1.927.563.865
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	4.210.261.640	4.062.384.302
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21	2.632.384.302	2.400.044.929
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21	1.577.877.338	1.662.339.373
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.258.186.450	34.225.648.226



Trần Trung

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Hà Thị Thanh Hật

Người lập biểu

Lê Hà Thị Thanh Hật

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	44.339.195.125	44.044.393.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	44.339.195.125	44.044.393.656
4. Giá vốn hàng bán	11	24	36.278.103.719	36.312.853.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>8.061.091.406</u>	<u>7.731.539.869</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	19.038.391	18.118.849
7. Chi phí tài chính	22	26	244.103.720	295.900.729
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		240.966.778	286.853.913
8. Chi phí bán hàng	25	27a	850.996.261	797.988.130
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	4.352.650.909	3.995.205.648
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.632.378.907</u>	<u>2.660.564.211</u>
11. Thu nhập khác	31	28	73.029.720	81.954.626
12. Chi phí khác	32	29	2.112.471	70.555.332
13. Lợi nhuận khác	40		<u>70.917.249</u>	<u>11.399.294</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.703.296.156</u>	<u>2.671.963.505</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	599.459.706	455.511.007
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.103.836.450</u>	<u>2.216.452.498</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.721	1.813
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.721	1.813



Trần Trung

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Hà Thị Thanh Hạng

Người lập biểu

Lê Hà Thị Thanh Hạng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		43.689.588.027	48.628.642.070
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(27.546.239.736)	(28.000.923.233)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.958.907.954)	(10.864.573.082)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(236.467.806)	(297.667.315)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(670.672.241)	(157.468.581)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.985.303.260	280.905.553
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.954.524.681)	(4.249.907.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.308.078.869	5.339.007.480
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.004.545.455)	(2.930.555.500)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.603.579	8.351.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.993.941.876)	(2.922.203.642)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	17.401.172.344	18.336.293.303
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(16.111.696.679)	(19.395.685.292)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.430.000.000)	(1.430.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(140.524.335)	(2.489.391.989)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.173.612.658	(72.588.151)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.982.582.237	2.055.162.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		62.418	8.217
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.156.257.313	1.982.582.237



Giám đốc
Trần Trung

Kế toán trưởng

Lê Hà Thị Thanh Hật

Người lập biểu

Lê Hà Thị Thanh Hật

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2016